*Ngày soạn: 03/05/2023*

**Tuần 34 – Tiết 34:**

**ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II**

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**A.Ma trận đề**

**I. Quy đinh chung**

Hình thức: Trắc nghiệm – Tự luận: 70% - 30%

Thời gian: 45 phút (không kể giao đề)

Ngày kiểm tra: theo lịch kiểm tra chung cho toàn nhà trường

Thang điểm chấm: 10 điểm

Số câu trắc nghiệm: 14 câu

Số bài tự luận 2 bài

### ****II. Ma trận đề thi****

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **I. Chăn nuôi** | ***1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** |  |  | 1 | 3,0 |  |  |  |  | 1 |  | 3,0 | **5%****0,5 điểm** |
| ***1.2. Các loại vật nuôi đặc trưng ở nước ta*** |  1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 |  **5%****0,5 điểm** |
| ***1.3. Phương thức chăn nuôi*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** |  |  | 1 | 3,0 |  |  |  |  | 1 |  | 3,0 | **5%****0,5 điểm** |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật****nuôi** | ***2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** |  |  | 1 | 3,0 |  |  |  |  | 1 |  | 3.0 | **5%****0,5 điểm** |
| ***2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.3. Bảo vệ môi trường trong******chăn nuôi*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **III. Thủy****sản** | ***3.1. Giới thiệu về thủy sản*** | 1 |  1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1.5 | **5%****0,5 điểm** |
| ***3.2. Nuôi thuỷ sản*** | 2 | 3,0 | 1 | 3,0 |  |  |  |  | 3 | 1 | 6.0 | **15%****1,5 điểm** |
| ***3.3. Thu hoạch thủy sản*** | 1 | 1,5 | 1 | 3,0 | 1 | 10 |  |  | 2 | 1 | 14,5 | **30%****3,0 điểm** |
| ***3.4. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản*** | 3 | 4,5 | 1 | 3,0 |  |  | 1 | 5.0 | 4 | 1 | 12,5 | **30%****3,0 điểm** |
| ***Tổng*** | **8** | **12** | **6** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **14** | **2** | **45** |  **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  |  |  | **100%** |
|  | **70%** | **30%** |  |  |  | **100%** |

**Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II môn Công nghệ 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
|  |  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| **1** | **I. Chăn nuôi** | ***1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | **Nhận biết:*** Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.
* Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam.
 |  | 1TN |  |  |
|  |  | ***1.2. Các loại vật nuôi đặc trưng ở nước ta*** | **Nhận biết:*** Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...).
* Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm.).

**Thông hiểu:*** So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.
 | 1TN |  |  |  |
|  |  | ***1.3. Phương thức chăn nuôi*** | **Nhận biết:*** Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.

**Thông hiểu:*** Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

**Vận dụng cao:*** Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương.
 |  |  |  |  |
|  |  | ***1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:*** Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

**Thông hiểu:*** Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.
 |  | 1TN |  |  |
|  | **II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật****nuôi** | ***2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** | **Nhận biết:*** Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.
* Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

**Thông hiểu:*** Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến.
* So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản.

**Vận dụng:*** Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương.
 |  | 1TN |  |  |
|  |  | ***2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**- Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi.* Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi.

**Thông hiểu:*** Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi.
* Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến.
* Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi.

**Vận dụng:*** Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương.

**Vận dụng cao:**Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình. |  |  |  |  |
|  |  | ***2.3. Bảo vệ môi trường trong******chăn nuôi*** | **Nhận biết:*** Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi.

**Thông hiểu:*** Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

**Vận dụng:*** Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương.
 |  |  |  |  |
|  | **III. Thủy** **sản** | ***3.1. Giới thiệu về thủy sản*** | **Nhận biết:*** Trình bày được vai trò của thuỷ sản.
* Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.
 | 1TN |  |  |  |
|  |  | ***3.2. Nuôi thuỷ sản*** | **Nhận biết:**- Nêu được quy trình nuôi một loại thủy sản phổ biến.* Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến.
* Nêu được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến.
* Trình bày được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến.
* Nêu được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho cho một loại thủy sản phổ biến.

**Thông hiểu:*** Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến.
* Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến.
* Giải thích được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến.

- Giải thích được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến.**Vận dụng:*** Đo được nhiệt độ của nước ao nuôi một loại thủy sản phổ biến.
* Đo được độ trong của nước ao nuôi một loại thủy sản phổ biến.

**Vận dụng cao:**- Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thuỷ sản phù hợp. | 2TN  | 1TN |  |  |
|  |  | ***3.3. Thu hoạch thủy sản*** | **Nhận biết:*** Nêu được kĩ thuật thu hoạch một số loại thuỷ sản phổ biến.

**Thông hiểu:*** Phân biệt được một số kĩ thuật thu hoạch thủy sản phổ biến.

**Vận dụng:***-* Vận dụng được kĩ thuật thu hoạch thủy sản vào thực tiễn gia đình, địa phương. | 1TN |  1TN | 1TL |  |
|  |  | ***3.4. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản*** | **Nhận biết:*** Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.

**Thông hiểu:*** Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản.

**Vận dụng cao:*** Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của địa phương.
 | 3TN | 1TN |  | 1TL |
|  |  |  |  | 8 | 6 | 1 | 1 |

**ĐỀ MINH HOẠ**

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất**

**Câu 1. Đâu là vai trò của chăn nuôi?**

A. Cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người.

B. Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất muối ăn.

C. Cung cấp lương thực cho con người.

D. Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến đồ uống. .

**Câu 2. Nhóm vật nuôi nào sau đây là vật nuôi phổ biến ở nước ta?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lợn gà, khỉ, sư tử.  | C. Lợn, gà, trâu, bò, ngan, vịt.  |
| B. Trâu bò, hổ, gấu. | D. Trâu, bò, tê giác, voi |

**Câu 3. Người làm nghề chăn nuôi làm những công việc nào?**

A. Làm nhiệm vụ chọn giống vật nuôi.

B. Là người nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi, quản lí hoạt động chăn nuôi và đưa ra những hướng dẫn kĩ thuật.

C. Là người làm nhiệm vụ phòng bệnh, khám bệnh và chữa bệnh cho vật nuôi.

D. Làm nhiệm vụ nhân giống vật nuôi.

**Câu 4. Vai trò của việc nuôi dưỡng vật nuôi?**

A. Cung cấp cho vật nuôi đủ chất dinh dưỡng.

B. Nâng cao năng suất và chất lượng vật nuôi.

C. Để tạo ra môi trường trong chuồng nuôi phù hợp.

D. Vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.

**Câu 5. Những thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tôm hùm, cá song, cá tra, cá ba sa | C. Cua, tép  |
| B. Cá trắm, cá chép, cá mè. | D. Ốc, hến. |

**Câu 6. Quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao?**

A. Chuẩn bị ao nuôi; Thả cá giống; Quản lí thức ăn; Thu hoạch.

B. Chuẩn bị ao nuôi; Thả cá giống; Quản lí chất lượng ao nuôi; Thu hoạch.

C. Chuẩn bị ao nuôi; Thả cá giống; Quản lí sức khoẻ cá; Thu hoạch.

D. Chuẩn bị ao nuôi; Thả cá giống; Chăm sóc, quản lí cá sau khi thả; Thu hoạch.

**Câu 7. Trong quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao, bước chuẩn bị ao nuôi, người ta thiết kế ao nuôi có diện tích và độ sâu bao nhiêu?**

A. Diện tích khoảng 500 – 1000m2, độ sâu khoảng 1,5 – 2m

B. Diện tích khoảng 1 000 – 5 000m2, độ sâu khoảng 1,5 – 2m

C. Diện tích khoảng 1 000 – 5 000m2, độ sâu khoảng 15 – 20m

D. Diện tích khoảng 3 000 – 5 000 m2, độ sâu khoảng 1,5 – 2m

**Câu 8. Tại sao vào những ngày thời tiết xấu, nước ao bẩn, cá giảm ăn thì cần giảm lượng thức ăn cho cá?**

A. Giảm lượng Oxygen hoà tan trong nước.

B. Giúp cá ăn được nhiều hơn.

C. Giảm lượng sinh vật có lợi trong môi trường ao nuôi.

D. Giảm lượng thức ăn thừa làm ô nhiễm thêm môi trường nước.

**Câu 9. Phương thức thu hoạch những con to đạt tiêu chuẩn nhằm giảm mật độ cá nuôi trong ao, con nhỏ để nuôi tiếp?**

|  |  |
| --- | --- |
| A.Thu toàn bộ | C. Thu tỉa |
| B. Khai thác dần | D. Khai thác chọn |

**Câu 10. Nhược điểm của phương pháp thu hoạch toàn bộ tôm, cá trong ao là:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Việc thu hoạch chỉ diễn ra một lần. | C. Năng suất bị hạn chế. |
| B. Chi phí đánh bắt cao. | D. Dễ dàng cải tạo, tu bổ ao |

**Câu 11. Một phương pháp hoá học nhằm kiểm soát môi trường thuỷ sản:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sử dụng hoá chất. | C. Lọc sinh học. |
| B. Sử dụng chế phẩm sinh học. | D. Sử dụng thực vật thuỷ sinh. |

**Câu 12. Trong bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, khu vực nào không thuộc các khu vực cần được bảo vệ?**

A. Nơi tập trung các loài thuỷ sản và môi trường sống của chúng.

B. Khu vực tập trung sinh sản.

C. Khu vực tập trung con non sống, đường di cư của các loài thuỷ sản.

D. Nơi có nguồn nước ô nhiễm, không có các loài thuỷ sản sinh sống.

**Câu 13. Một trong những việc nên làm để bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

A. Tổ chức chức đánh gần bờ, mở rộng vùng khai thác xa bờ

B. Xây dựng các khu bảo tồn biển, bảo vệ phục hồi các hệ sinh thái và phát triển nguồn lợi thủy sản

C. Đánh bắt bằng điện

D. Thả bả độc

**Câu 14. Đâu là việc không nên làm để bảo vệ nguồn lợi thủy sản?**

A. Đánh bắt thủy sản bằng lưới mắt nhỏ, và đánh bắt bằng mìn

B. Hạn chế đánh bắt gần bờ, mở rộng vùng khai thác xa bờ

C. Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản

D. Thả các loài thủy sản quý hiếm vào một số nội thủy, vùng vịnh ven biển

**B. TỰ LUẬN (3 điểm):**

**Câu 1 (2 điểm**). Nhà bác Cường có một ao nuôi cá đã nuôi được 2 năm, số cá nuôi trong ao đã đạt kích cỡ thương phẩm, Bác Cường muốn thu hoạch bán để nuôi lứa khác. Em hãy đề xuất cách thu hoạch cá trong ao, nêu rõ các yêu cầu trong quá trình thu hoạch để đảm bảo chất lượng cá.

**Câu 2 (1 điểm).** Hãy nêu những hoạt động để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của người dân ở địa phương em?

----------------------- Hết ------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **TRẮC NGHIỆM (7 điểm) : Mỗi câu 0,5 điểm**

Đề lẻ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | A | C | B | B | A | D | B | D | C | C | A | D | B | A |

Đề chẵn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | B | A | A | B | D | B | D | A | B | D | A | C | C | D |

1. **TỰ LUẬN (3 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | +Đề xuất cách thu hoạch cá trong ao: Thu toàn bộ- Cách thu hoạch+ Bơm tháo cạn 1/3 lượng nước+ Dùng lưới kéo 2-3 mẻ lưới vào các thời điểm mát trong ngày. Tát cạn bắt sạch cá+ Các thu được đưa vào dụng cụ chứa nước sạch có cung cấp khí oxy. Vận chuyển đến nói chế biens tiêu thụ trong ngày. | 0,50.50.50,50.50.5 |
| **Câu 2** | * Xử lí nước thải trước khi xả ra môi trường
* Không xả rác bừa bãi ra môi trường nói chung và môi trường nước nói riêng. Trước khi mang tới các điểm thu gom cần phân loại và xử lí các loại rác thải nếu có thể.
* Hạn chế khai thác thuỷ sản vào mùa sinh sản.
* Nghiêm cấm đánh bắt thuỷ sản bằng các phương pháp huỷ diệt như thuốc nổ, hoá chất, điện…
* Thả tôm, cá giống… tái tạo nguồn lợi thuỷ sản
* Không sử dụng hoá chất độc hại, hết hạn trong quá trình nuôi trồng thuỷ sản.
* Phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thuỷ sản.

***Chú ý: HS đề xuất được những việc nên làm khác để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản mà đúng vẫn chấm điểm tối đa*** | 0.50.5 |

-------------------------------------------